

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày: 17-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Sín

Bà Đồng Khánh Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa:*
Ông Triệu Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn L; (Tên gọi khác: không có), sinh ngày 27 tháng 3 năm 1980 tại thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: **Tổ N, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.** Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Trần Ngọc T** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1940; Bị cáo có vợ là **Doãn Thị N**, sinh năm 1987 và 01 người con, sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/9/2017 bị **Công an thành phố S** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 20/9/2017. Ngày 12/02/2020 **Công an thành phố S** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, chấp hành xong ngày 12/2/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ **Công an huyện N**, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Đỗ Minh T1**, sinh năm 1964. Vắng mặt.

- Ông **Trần Ngọc S**, sinh năm 1965. Có mặt.

Cùng có địa chỉ: **Tổ N, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.**

Người làm chứng:

- Anh **Lý Văn H1**, sinh năm 1994 - Địa chỉ: **Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.**

- Anh **Trần Thành B**, sinh năm 1992 - Địa chỉ: **Tổ N, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.**

- Anh **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1980 - Địa chỉ: **Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

- Chị **Triệu Thị L1**, sinh năm 1987 - Địa chỉ: **Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.**

Những người làm chứng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút, ngày 01/10/2023 tại nhà bỏ hoang phía trên đường bê tông thuộc **thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn**, tổ công tác **Công an huyện N** đang làm nhiệm vụ đã phát hiện, tiếp cận, kiểm tra nhóm đối tượng gồm 04 (bốn) người lần lượt là: **Lý Văn H1; Trần Thành B; Nguyễn Văn N1; Trần Văn L**. Tiến hành kiểm tra người **Trần Văn L** phát hiện tại lòng bàn tay phải **L** đang cầm giữ có 02 (hai) gói chất màu trắng dạng cục và bột; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia tại túi quần đằng trước bên phải **L** đang mặc trên người. Kiểm tra xung quanh vị trí **L** đứng, tổ công tác phát hiện 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 và 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Sam Sung đã qua sử dụng. Kiểm tra người **Há, B, N1** tổ công tác không phát hiện thu giữ gì. Kiểm tra xung quanh vị trí các đối tượng tụ tập phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, biển số: 20N7-7657. Tổ Công tác tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa các đối tượng cùng tang vật về trụ sở Công an huyện để làm việc.

Biên bản mở niêm phong và cân xác định khối lượng hồi 10 giờ 10 phút ngày 01/10/2023 xác định: Phong bì niêm phong ký hiệu L1 bên trong có 02 (hai) gói nhỏ chứa chất màu trắng dạng cục và bột, trong đó 01 (một) gói được gói bằng 02 (hai) lớp nilon màu trắng, 01 (một) gói còn lại là túi nilon loại túi Zip. Cân riêng tổng số chất màu trắng dạng cục và bột có khối lượng 10,65g (mười phẩy sáu năm gam) và niêm phong trong 01 phong bì mới ký hiệu A1 để gửi giám định. Còn vỏ phong bì và túi nilon cũ cho vào phong bì mới niêm phong ký hiệu A2.

Tại Kết luận giám định số 312/KL - KTHS ngày 10/10/2023 của Phòng KTHS **Công an tỉnh B** Kết luận: “Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 10,65g (mười phẩy sáu năm gam).

Quá trình điều tra **Trần Văn L** khai nhận: Ngày 20/9/2023 **L** cùng **Đỗ Minh T2**, sinh năm 1989 đi xe mô tô biển số 20N7-7657 từ Thái Nguyên lên khu vực mỏ vàng Ma Nu thuộc **thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn** và cùng ăn ở tại lán bỏ hoang, đến ngày 23/9/2023 thì **T2** đi về nhà. Do bản thân nghiện chất ma túy nên chiều ngày 29/9/2023 **L** gọi điện thoại cho **T2** hỏi mua một cây ma túy loại heroine, **T2** báo giá là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), **L** đồng ý và hứa sẽ trả tiền sau ba ngày kể từ khi nhận được gói ma túy. Sau đó, **T2** gửi số điện thoại của người lái xe khách cho **L** để liên lạc. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, **L** gọi điện thoại cho xe khách và đợi ở đầu cầu **xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn** để nhận hàng gửi. Khi nhận hàng người lái xe khách đưa cho **L** 01 (một) hộp đựng loa (loại loa mi ni), sau đó **L** mang về nhà bỏ hoang nơi **L** ở dùng tô vít cạy nắp loa ra thấy bên trong có 01 (một) gói ma túy. **L** lấy gói ma túy ra sử dụng nhiều lần bằng hình thức hít trực tiếp vào cơ thể và chia gói ma túy ra thêm 01 (một) gói nhỏ đựng trong túi ni lon (loại túi díp) để dễ sử dụng, sau đó **L** cất hai gói ma túy vào trong túi quần đằng sau bên phải đang mặc. Đến khoảng 19 giờ ngày 01/10/2023 **L** đi xe mô tô xuống nhà chị **Triệu Thị L1**, sinh năm 1987, trú tại **thôn K, xã T, N, Bắc Kạn** nhờ chị **L1** chuyển tiền bằng tài khoản ngân hàng cho **T2** với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và còn nợ lại **T2** 10.000.000đ (mười triệu đồng). Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01/10/2023 khi **L** đang ngồi uống nước cùng với **H1, B, N1** tại nhà bỏ hoang thì bị **Công an huyện N** phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSNS, ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố bị cáo **Trần Văn L** về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Trần Văn L** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 02/10/2023.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (**H**) hoàn lại sau khi giám định, túi nilon gói cũ, phong bì niêm phong, phong bì niêm phong cũ có trong các phong bì niêm phong ký hiệu T174, A2. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động có trong phong bì niêm phong ký hiệu G1. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Ngọc S** 01 điện thoại Iphone 12. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đỗ Minh T1** 01 xe moto nhãn hiệu HONDA Wave S. Tạm

giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 máy tính bảng có trong phong bì ký hiệu G3. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận. Lời sau cùng bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh T1 và những người làm chứng vắng mặt. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc S, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn L khai nhận: Do nghiện ma túy nên ngày 01/10/2023, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 02 (hai) gói ma túy (heroin) có tổng khối lượng 10,65g (mười phẩy sáu năm gam) trên người mục đích sử dụng cho bản thân và đã bị tổ công tác C huyện N phát hiện bắt quả tang, tiến hành thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 22 giờ 30 phút, ngày 01/10/2023; biên bản khám xét lập hồi 14 giờ 20 phút, ngày 03/10/2023; biên bản mở đóng niêm phong, cân xác định khối lượng chất màu trắng nghi là chất ma túy và gửi mẫu giám định ngày 02/10/2023; phù hợp với Kết luận giám định số 312/KL-KTHS ngày 10/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh B; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của Trần Văn L đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

...

g) Heroine..... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng đạo đức, lối sống, bị cáo đã nghiện ma túy và đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 10,65g (mười phẩy sáu năm gam) ma túy (Heroine).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng háms lờ có cơ hội lưu thông, buôn bán ma túy, là nguyên nhân làm lây lan, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo có bố đẻ là ông **Trần Ngọc T** có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn

đề, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm, thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Số ma túy (Heroine) hoàn lại sau khi giám định, giấy gói cũ, phong bì niêm phong và phong bì niêm phong cũ là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động bàn phím bấm là tài sản của bị cáo, bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 xe mô tô kèm chìa khóa xe bị tạm giữ, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông **Đỗ Minh T1**, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Ông **T1** đề nghị lấy lại nên cần trả lại cho ông **T1**. Đối với 01 điện thoại Iphone bị tạm giữ, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản của ông **Trần Ngọc S**, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Ông **S** đề nghị lấy lại nên cần trả lại cho ông **S**. Đối với 01 máy tính bảng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, xét cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án

Đối với **Đỗ Minh T2** theo lời bị cáo trình bày là người bán ma túy cho bị cáo vào ngày 29/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy tìm đến nay chưa xác định được đối tượng đang ở đâu, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng đến nay chưa có văn bản trả lời nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra, khi có căn cứ sẽ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với **Lý Văn H1**, **Trần Thành B**, **Nguyễn Văn N1** không biết, không được tham gia cùng bị cáo trong việc mua, tàng trữ trái phép chất ma túy, cả ba người trên đều nghiện chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển tài liệu có liên quan cho Công an xã nơi cư trú quản lý theo quy định của pháp luật.

Đối với người lái xe khách và phương tiện xe khách vận chuyển gói ma túy mà **Đỗ Minh T2** gửi lên cho bị cáo theo lời trình bày của bị cáo do không xác định được nhân thân, lý lịch của người lái xe cũng như đặc điểm của phương tiện xe khách nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với chị **Triệu Thị L1** là người làm dịch vụ chuyển tiền, chuyển giúp bị cáo số tiền 30.000.000đ bằng tài khoản ngân hàng cho **Đỗ Minh T2**, trong quá trình chuyển khoản chị **L1** không biết nội dung, mục đích số tiền chuyển làm gì, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để điều tra, xem xét, xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn L** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 02/10/2023.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: “T174; Mẫu hoàn trả vụ **Trần Văn L** (1980) Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: Túi nilon cũ thu giữ của **Trần Văn L** và phong bì niêm phong cũ đã ký hiệu L1 ngày 01/10/2023 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu A2.

2.2. Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại bàn phím bấm và phong bì niêm phong cũ có trong 01 (một) phong bì niêm phong, ký hiệu G1.

2.3. Trả lại cho ông **Đỗ Minh T1**, sinh năm 1964 - Địa chỉ: **Tổ N, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên**: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, màu sơn: Đen. Biển số đăng ký: 20N7-7657, số khung: RLHJC4317BY122026, số máy: JC43E-1675472, xe cũ đã qua sử dụng, kèm theo 01 (một) chìa khóa xe mô tô.

2.4. Trả lại cho ông **Trần Ngọc S**, sinh năm 1965 - Địa chỉ: **Tổ N, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên**: 01 (một) điện thoại Iphone 12 và phong bì niêm phong cũ, ký hiệu G2.

2.5. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo **Trần Văn L**: 01 (một) máy tính bảng và phong bì niêm phong cũ có trong 01 (một) phong bì niêm phong, ký hiệu G3.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn).*

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ